

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

## QUYỂN XXXV

### Phẩm 12: BỒ TÁT CA DIẾP 3

Này thiện nam! Những điều tranh luận như vậy là cảnh giới của chư Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng biết được. Nếu có người đối với việc này sinh tâm nghi ngờ thì vẫn có thể phá hoại vô lượng phiền não như núi Tu-di. Nếu người nào ở trong việc này sinh lòng quyết định thì gọi là chấp trước.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là chấp trước?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Những người như vậy hoặc nghe từ người khác, hoặc tự tìm kinh điển, hoặc người khác dạy, đối với những việc này chấp trước không thể xả bỏ thì đó là chấp trước.

Bồ-tát Ca-diếp lại thưa:

–Bạch Thế Tôn! Sự chấp trước như vậy là thiện hay bất thiện?

–Này thiện nam! Sự chấp trước như vậy không gọi là thiện. Vì sao? Vì không thể phá trừ được các lưới nghi.

Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Người như vậy vốn tự chẳng nghi, sao lại nói chẳng phá hoại lưới nghi?

–Này thiện nam! Phàm người không nghi tức là nghi.

–Bạch Thế Tôn! Nếu có người cho rằng bậc Tu-đà-hoàn không có đọa ba đường ác thì người này cũng gọi là chấp trước, là nghi?

–Này thiện nam! Đó gọi là quyết định mà không gọi là nghi. Vì sao? Này thiện nam! Ví như có người trước kia thấy người, thấy

cây, về sau đi đêm, từ xa trông thấy gốc cây trụ, liền sinh nghi: Đó là người chăng là cây chăng?

Này thiện nam! Như có người trước thấy Tỳ-kheo, Phạm chí, về sau, trên đường đi xa thấy Tỳ-kheo liền sinh nghi: Là Sa-môn chăng, là Phạm chí chăng? Này thiện nam! Như có người trước thấy bò và trâu, về sau, xa thấy bò liền sinh nghi: Đó là bò chăng, là trâu chăng?

Này thiện nam! Tất cả chúng sinh thấy hai vật, về sau liền sinh nghi. Vì sao? Vì trong tâm họ không nhận thức được rõ ràng. Ta cũng không nói bậc Tu-đà-hoàn đọa ba đường ác hay chẳng đọa ba đường ác, vì sao người này lại sinh lòng nghi?

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, trước phải có thấy rồi sau mới nghi nhưng có người chưa thấy hai vật cũng lại sinh nghi. Đó là những gì? Như là Niết-bàn, Bạch Thế Tôn! Ví như có người đi đường gặp dòng nước đục, trước kia chưa từng thấy mà cũng sinh nghi rằng dòng nước này là sâu hay cạn! Người này chưa từng thấy vì sao lại sinh nghi?

–Này thiện nam! Đã Niết-bàn tức là dứt khổ, chẳng phải Niết-bàn tức là khổ. Tất cả chúng sinh thấy có hai: khổ và chẳng phải khổ. Khổ và chẳng phải khổ tức là đối khát, lạnh nóng, giận vui, bệnh tật, an ổn, già trẻ, sống chết, trói buộc giải thoát, thương yêu, xa lìa, oán ghét, gặp gỡ. Chúng sinh thấy những việc này rồi liền sinh nghi rằng sẽ có sự kiện xa lìa sự khổ nào này chăng? Do đó, chúng sinh đối với Niết-bàn sinh nghi. Nếu ý ông cho rằng người đó từ trước đến nay chưa từng thấy dòng nước đục sao lại sinh nghi, thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì người đó ở nơi chỗ khác đã từng thấy rồi nên ở nơi chỗ này chưa từng đến mà lại sinh nghi.

–Bạch Thế Tôn! Người đó lúc trước khi thấy chỗ cạn sâu đã không sinh nghi nay vì sao lại sinh nghi?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Vì trước kia vốn chưa đi nên sinh nghi. Do đó Ta nói rằng vì không hiểu nên sinh nghi.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy nghi chính là chấp trước, chấp trước chính là nghi, đây là hạng người nào?

–Đây thiện nam! Là người đoạn dứt căn lành.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Những hạng người nào có thể dứt căn lành?

–Đây thiện nam! Nếu có người thông minh, trí tuệ sáng suốt, lợi căn, có thể khéo phân biệt nhưng xa lìa bạn lành, không nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, không sống đúng pháp, thì những người như vậy có thể đoạn dứt căn lành, xa lìa bốn việc này, tâm tự suy nghĩ: “Không có vật bố thí. Vì sao? Vì người bố thí xả bỏ của cải. Nếu bố thí mà có quả báo thì nên biết thí chủ thường bị nghèo cùng. Vì sao? Vì nhân quả giống nhau, nên nói không nhân, không quả”. Nếu nói không nhân, không quả như vậy thì gọi là đoạn dứt căn lành. Lại suy nghĩ: “Thí chủ, người thọ và tài vật cả ba việc này đều là vô thường không có cố định. Nếu không cố định thì sao lại nói rằng đây là thí chủ, đây là người thọ nhận và đây là của cải. Nếu không có người thọ nhận làm sao được quả báo. Do nghĩa này nên không nhân, không quả”. Nếu nói không nhân, không quả như vậy, nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành. Lại suy nghĩ: “Người bố thí lúc bố thí có năm điều thí. Người thọ khi thọ nhận rồi hoặc có lúc làm việc thiện, hoặc có lúc làm việc bất thiện mà thí chủ này cũng chẳng được quả báo thiện hay bất thiện. Như pháp của thế gian, từ hạt sinh ra trái, rồi từ trái trở lại có hạt. Nhân tức là thí chủ, quả tức là người thọ nhận. Nhưng người thọ nhận không thể đem pháp thiện hay bất thiện của mình khiến cho thí chủ được quả báo thiện hay bất thiện. Do nghĩa này nên không nhân, không quả”. Nếu cho rằng không nhân, không quả như vậy thì nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành.

Người này lại suy nghĩ: “Không có vật bố thí. Vì sao? Vì vật bố thí là vô ký. Nếu là vô ký làm sao được quả báo thiện, không có quả báo thiện tức là vô ký. Tài vật nếu là vô ký nên biết tức là không có quả báo thiện, ác. Cho nên không có sự bố thí, không nhân, không

quả”. Nếu cho rằng không nhân, không quả như vậy, thì nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành.

Người này lại suy nghĩ: “Bố thí do nơi ý, nếu là ý thì không thể thấy, không có đối tượng, chẳng phải là sắc pháp; nếu chẳng phải là sắc thì đâu có thể gọi là bố thí. Cho nên không có bố thí, không nhân, không quả”. Nếu cho rằng không nhân không quả, thì nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành.

Lại suy nghĩ: “Nếu thí chủ vì hình tượng Phật, tượng chư Thiên, cha mẹ đã qua đời mà thực hành bố thí không có người nhận, nếu không có người nhận thì không có quả báo, nếu không có quả báo thì là không nhân, nếu không nhân thì không quả”. Nếu cho rằng không nhân, không quả như vậy, thì nên biết người này có thể đoạn dứt căn lành.

Người này lại suy nghĩ: “Không cha, không mẹ. Nếu nói cha mẹ là chúng sinh, là nhân sinh ra chúng sinh thì đáng lý phải thường sinh không có đoạn tuyệt. Vì sao? Vì nhân là thường có, nhưng không thường sinh, cho nên nên biết không có cha mẹ”. Người này lại nghĩ: “Không cha, không mẹ. Vì sao? Vì nếu thân của chúng sinh do cha mẹ mà có, thì lẽ ra một người phải đầy đủ hai căn nam, nữ, nhưng không đủ, nên biết chúng sinh chẳng phải do cha mẹ mà có”.

Người này lại nghĩ: “Chẳng phải do cha mẹ sinh ra chúng sinh. Vì sao? Vì mắt họ thấy chúng sinh không giống cha mẹ, như là thân sắc, tâm ý, oai nghi, đi, đứng. Do đó cha mẹ chẳng phải là nhân của chúng sinh”. Lại suy nghĩ: “Tất cả thế gian có bốn thứ không: một là chưa sinh gọi là không, như lúc còn là đất sét thì chưa có công dụng của cái bình. Hai là diệt rồi gọi là không, như bình đã vỡ thì gọi là không. Ba là mỗi thứ khác nhau nên không có trong nhau, như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò. Bốn là hoàn toàn không như lông rùa rừng thỏ. Cha mẹ, chúng sinh cũng đồng với bốn thứ không này. Nếu cho rằng cha mẹ là nhân sinh ra chúng sinh, lúc cha mẹ chết thì đứa con không nhất định phải chết. Cho nên cha mẹ chẳng phải là nhân sinh ra chúng sinh.

Lại suy nghĩ: “Nếu cho rằng cha mẹ là nhân sinh ra cùng sinh,

lẽ ra nhân nơi cha mẹ thường sinh ra chúng sinh nhưng lại có loài thấp sinh, hóa sinh. Do đó nên biết chẳng phải nhân nơi cha mẹ sinh ra chúng sinh”. Lại suy nghĩ rằng: “Chúng sinh tự có chẳng phải do cha mẹ mà được sinh ra và trưởng thành. Ví như chim công nghe tiếng sấm chớp, liền có thai. Lại như thanh tước uống nước mắt của chim tước trống bèn có thai. Như chim mạng mạng thấy chim trống múa liền có thai”. Khi suy nghĩ như vậy, nếu không gặp được bậc Thiện tri thức, nên biết người này có thể dứt căn lành.

Người này lại suy nghĩ: “Tất cả thế gian không có quả báo thiện ác. Vì sao? Vì có những chúng sinh đầy đủ mười pháp thiện, thích bố thí, siêng năng tu tập công đức, những người này lại bị bệnh tật dồn dập chết yếu, mất của cải, nhiều sự lo khổ. Cũng có người làm mười điều ác tham lam, bòn sẻn, ganh ghét, biếng nhác, không tu các điều thiện mà thân được an ổn, không bệnh tật, sống lâu, nhiều của cải, không có các sầu khổ. Do đó nên biết không có quả báo thiện ác”.

Người này lại suy nghĩ: “Ta cũng từng nghe các bậc Thánh nhân nói, có người tu tập pháp thiện khi chết bị đọa trong ba đường ác. Có người làm điều ác khi chết được sinh trong cõi trời, người. Do đó nên biết không có quả thiện ác”. Lại suy nghĩ: “Các bậc Thánh nhân nói có hai thuyết: hoặc nói sát sinh được quả báo lành, hoặc nói sát sinh bị quả báo ác. Cho nên, nên biết bậc Thánh nói không nhất định. Thánh nhân còn nói không nhất định, tại sao ta lại quyết định. Do đó nên biết rằng không có quả thiện, ác”. Lại nghĩ: “Tất cả thế gian không có Thánh nhân. Vì sao? Vì nếu cho là Thánh nhân thì phải chứng được chánh đạo. Tất cả chúng sinh lúc đầy đủ phiền não tu hành chánh đạo, nên biết người này một lúc có đủ phiền não và chánh đạo. Nếu cùng có lúc có đủ phiền não, chánh đạo thì không thể phá được kiết sử. Nếu không có phiền não mà tu chánh đạo thì chánh đạo như vậy dùng để làm gì. Cho nên người đủ phiền não, thì chánh đạo không thể phá hoại người được, người không có phiền não thì chánh đạo lại vô dụng. Do đó nên biết tất cả thế gian không có bậc Thánh nhân”.

Người này lại suy nghĩ: “Vô minh làm duyên cho hành, cho

đến sinh duyên lão tử, mười hai nhân duyên này tất cả chúng sinh đều có. Tám Thánh đạo tánh của nó bình đẳng, cũng vậy lẽ ra lúc một người chứng đắc thì tất cả mọi người cũng chứng đắc, lúc một người tu hành lẽ ra tất cả khổ đều diệt. Vì sao? Vì phiền não bình đẳng mà nay chẳng được chứng đắc. Do đó nên biết rằng không có chánh đạo”. Lại suy nghĩ: “Bậc Thánh nhân đều có những pháp đồng với hàng phàm phu như là ăn uống, đi đứng, nằm ngồi, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, nóng lạnh, sầu lo, sợ hãi. Nếu đã đồng với phàm phu những việc như vậy nên biết rằng Thánh nhân không chứng được chánh đạo. Nếu chứng được chánh đạo lẽ ra phải dứt hẳn những việc như vậy. Những việc như vậy Thánh nhân còn không dứt được nên biết rằng không có chánh đạo”.

Người này lại suy nghĩ: “Bậc Thánh nhân có thân nên thọ năm thứ dục lạc, cũng mắng nhiếc đánh đập người, cũng ganh ghét, kiêu mạn, thọ những sự khổ vui, tạo nghiệp thiện ác. Do nhân duyên này nên biết không có bậc Thánh nhân. Nếu có chánh đạo lẽ ra đã dứt những việc này, nhưng những việc này không dứt nên biết rằng không có chánh đạo”.

Người này lại nghĩ: “Người giàu lòng từ bi gọi là Thánh nhân. Do nhân duyên gì gọi là Thánh nhân? Nhân nơi Thánh đạo mà gọi là Thánh nhân. Nếu tánh của Thánh đạo là từ bi thì lẽ ra thương yêu tất cả chúng sinh, không phải chờ tu hành rồi sau mới có được. Nếu như không có lòng từ bi thì vì sao bậc Thánh nhân chứng được Thánh đạo lại hay từ bi. Do đó nên biết ở đời không có Thánh đạo”. Lại nghĩ: “Tất cả bốn đại chẳng từ nhân duyên sinh, các chúng sinh đều có tánh bốn đại này. Không quán sát chúng sinh bên này nên đến, bên kia không nên đến. Nếu có tánh Thánh đạo thì lẽ ra cũng như vậy. Nhưng nay chẳng phải như vậy, do đó nên biết ở đời không có Thánh nhân”. Lại nghĩ: “Nếu các bậc Thánh nhân có một Niết-bàn thì nên biết rằng không có Thánh nhân. Vì sao? Vì không thể được. Pháp thường trú lẽ ra chẳng thể nắm bắt, chẳng thể lấy bỏ. Nếu Niết-bàn của các bậc Thánh nhân có nhiều thì là vô thường. Vì sao? Vì pháp có thể đếm được. Niết-bàn nếu là một thì lúc một người được lẽ ra tất cả đều được. Nếu Niết-bàn là nhiều thì có giới hạn. Nếu Niết-

bàn có giới hạn sao gọi là thường. Nếu nói thể của Niết-bàn là một mà người giải thoát nhiều, như chỉ một cây lọng mà cọng cánh thì nhiều, nghĩa này chẳng đúng. Vì sao? Vì mỗi người chứng đắc chẳng phải tất cả đều chứng đắc. Vì có giới hạn nên là vô thường, nếu là vô thường thì đâu được gọi là Niết-bàn. Nếu không có Niết-bàn thì ai là Thánh nhân. Do đó nên biết không có Thánh nhân”. Lại nghĩ: “Đạo của Thánh nhân chẳng phải do nhân duyên mà được. Nếu đạo của Thánh nhân chẳng phải do nhân duyên thì vì sao tất cả chúng sinh không làm Thánh nhân. Nếu tất cả mọi người chẳng phải là Thánh nhân thì nên biết không có Thánh nhân và không có Thánh đạo”. Người này lại nghĩ: “Bậc Thánh nói, chánh kiến có hai nhân duyên: một là nghe pháp từ người khác, hai là bên trong tự tư duy. Hai nhân duyên này nếu từ duyên sinh, duyên này lại từ duyên khác mà sinh, xoay vần như vậy thì có cái lỗi vô cùng. Nếu hai nhân duyên này chẳng từ duyên sinh thì tất cả chúng sinh vì sao không có được”. Lúc quán như vậy có thể đoạn dứt căn lành.

Này thiện nam! Nếu chúng sinh nào có kiến chấp sâu dày về không nhân, không quả như vậy, thì người này có thể đoạn dứt năm căn như Tín v.v...

Này thiện nam! Người đoạn dứt căn lành chẳng phải là người thấp kém, ngu độn, cũng chẳng phải trong chư Thiên và trong ba đường ác. Người phá Tăng cũng như vậy.

Bồ-tát Ca-diếp thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Người như vậy lúc nào mới có thể sinh căn lành trở lại?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Người này có hai lần sinh căn lành trở lại, đó là lúc mới vào địa ngục và lúc ra khỏi địa ngục.

Này thiện nam! Thiện có ba thứ: quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu là quá khứ thì tánh của nó tự diệt, nhân tuy diệt nhưng quả báo chưa chín muồi, nên không gọi là đoạn dứt quả quá khứ. Vì đoạn dứt nhân ba đời nên gọi là đoạn dứt.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu dứt nhân ba đời gọi là đoạn dứt căn lành, người đoạn dứt căn lành vẫn có Phật tánh. Phật tánh như vậy là quá khứ, hiện tại, vị lai hay biến khắp ba đời. Nếu là quá khứ thì sao gọi là thường? Phật tánh cũng là thường, do đó nên biết chẳng phải là quá khứ. Nếu là vị lai thì sao gọi là thường? Tại sao Phật nói tất cả chúng sinh nhất định sẽ có được, nếu quyết định được thì tại sao nói là đoạn mất? Nếu là hiện tại thì sao lại là thường? Tại sao lại nói nhất định có thể thấy? Như Lai cũng nói Phật tánh có sáu: một là thường, hai là chân, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nếu người dứt mất căn lành mà có Phật tánh thì không thể gọi là đoạn dứt căn lành. Nếu không có Phật tánh tại sao lại nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh? Nếu cho rằng Phật tánh cũng có, cũng mất tại sao Như Lai lại nói là thường?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Như Lai Thế Tôn vì chúng sinh nên có bốn cách giải đáp: một là quyết định đáp, hai là phân biệt đáp, ba là tùy theo lời hỏi mà đáp, bốn là yên lặng mà đáp.

Này thiện nam! Thế nào là quyết định đáp? Nếu có người hỏi tạo nghiệp ác được quả lành hay quả ác thì nên quyết định đáp là bị quả ác. Nghiệp thiện cũng như vậy. Nếu hỏi Như Lai có phải là bậc Nhất thiết trí chăng thì nên quyết định đáp là bậc Nhất thiết trí. Nếu hỏi pháp Phật là thanh tịnh chăng thì nên quyết định đáp là thanh tịnh. Nếu hỏi đệ tử của Như Lai sống đúng như pháp chăng thì nên quyết định đáp là sống đúng như pháp. Đó gọi là quyết định đáp. Thế nào là phân biệt đáp? Như Ta giảng nói về bốn pháp chân đế. Những gì là bốn? Đó là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Sao gọi là Khổ đế? Vì có tám điều khổ nên gọi là Khổ đế. Thế nào là Tập đế? Vì nhân nơi năm ấm nên gọi là Tập đế. Thế nào là Diệt đế? Vì đã đoạn dứt hết tham dục, sân hận, di mê nên gọi là Diệt đế. Thế nào là Đạo đế? Vì ba mươi bảy pháp trợ đạo nên gọi là Đạo đế. Đó gọi là phân biệt đáp.

Thế nào là theo lời hỏi mà đáp? Như Ta đã nói các pháp là vô thường. Lại có người hỏi: “Như Lai Thế Tôn nhằm vào pháp nào mà



nói là vô thường?”. Đáp: “Như Lai nhằm vào pháp hữu vi mà nói là vô thường”. Vô ngã cũng như vậy. Như Ta đã nói tất cả các pháp là thiêu đốt. Lại hỏi: “Như Lai Thế Tôn nhằm vào những pháp nào mà nói tất cả đều thiêu đốt?”. Đáp: “Như Lai nhằm vào tham, sân, si nên nói tất cả đều thiêu đốt”.

Này thiện nam! Như Lai có Mười lục, Bốn vô sở úy, Ba niệm xứ, Đại từ, Đại bi, Thủ-lăng-nghiêm v.v... Tám vạn ức các môn Tam-muội, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, năm trí ấn v.v... Ba vạn năm ngàn các môn Tam-muội, định Kim cang v.v... Bốn ngàn hai trăm các môn Tam-muội, vô lượng vô biên phương tiện Tam-muội. Các pháp như vậy là Phật tánh của Phật, Phật tánh này có bảy điều: một là thường, hai là ngã, ba là lạc, bốn là tịnh, năm là chân, sáu là thật, bảy là thiện. Đó gọi là phân biệt đáp.

Này thiện nam! Phật tánh của hậu thân Bồ-tát có sáu: một là thường, hai là tịnh, ba là chân, bốn thật, năm là thiện, sáu là thiếu kiến. Đó gọi là phân biệt đáp.

Như trước kia ông hỏi là người đoạn dứt căn lành có Phật tánh không, thì nên biết người này cũng có Phật tánh, Như Lai cũng có Phật tánh thân sau cùng. Hai Phật tánh này vì chướng ngại vị lai nên được gọi là không, vì nhất định được nên gọi là có. Đó gọi là phân biệt đáp. Phật tánh Như Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Phật tánh của thân sau cùng là hiện tại và vị lai. Vì có thể ít thấy nên gọi là hiện tại, vì chưa thấy đầy đủ nên gọi là vị lai.

Như Lai lúc chưa chứng đắc quả Bồ-đề vô thượng thì nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai mà quả thì không như vậy, có loại là ba đời, có loại chẳng phải ba đời. Vì nhân Phật tánh thân cuối cùng của Bồ-tát cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai nên quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Phật tánh của hàng Bồ-tát bậc thứ chín có sáu tính chất: một là thường, hai là thiện, ba là chân, bốn là thật, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Vì nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai nên quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Phật tánh của hàng Bồ-tát bậc thứ tám cho đến thứ sáu có năm tính chất: một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là thiện, năm là có thể thấy. Vì nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai nên quả cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Phật tánh của hàng Bồ-tát bậc thứ năm cho đến bậc thứ nhất có năm tính chất: một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là có thể thấy, năm là thiện và bất thiện.

Này thiện nam! Năm thứ Phật tánh, sáu thứ Phật tánh, bảy thứ Phật tánh người dứt mất căn lành nhất định sẽ có được. Vì được nên nói có. Đó gọi là phân biệt đáp. Nếu có người cho rằng người đoạn dứt căn lành quyết định có Phật tánh, quyết định không có Phật tánh. Đó gọi là yên lặng đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe rằng không đáp mới gọi là yên lặng đáp. Nay Đức Như Lai do nhân duyên gì đáp mà gọi là yên lặng đáp?

–Này thiện nam! Ta cũng không nói im lặng không đáp chính là im lặng đáp.

Này thiện nam! Im lặng đáp như vậy có hai thứ: một là ngăn dứt, hai là không chấp trước. Do nghĩa này nên gọi là yên lặng đáp.

Bồ-tát Ca-diếp thưa Phật:

–Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, thế nào gọi là nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai, quả cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Năm ấm có hai thứ: một là nhân, hai là quả. Năm ấm nhân ấy là quá khứ, hiện tại, vị lai. Năm ấm quả ấy cũng là quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chẳng phải là quá khứ, hiện tại và vị lai.

Này thiện nam! Tất cả những kiết sử vô minh phiền não v.v... đều là Phật tánh. Vì sao? Vì nhân của Phật tánh từ vô minh, hành và các phiền não mà được năm ấm lành. Đó gọi là Phật tánh từ năm ấm lành. Cho đến chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do đó trong kinh

trước Ta nói Phật tánh của chúng sinh như sữa lẫn lộn trong máu. Máu tức là các phiền não vô minh, hành v.v... Sữa tức là năm ấm lành. Do đó Ta nói rằng từ các phiền não và năm ấm lành mà chúng được đạo quả Bồ-đề vô thượng. Như thân của chúng sinh đều từ tinh huyết mà được thành, Phật tánh cũng như vậy. Bạc Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm dứt ít phiền não, Phật tánh như sữa. Bạc A-na-hàm Phật tánh như lạc. Bạc A-la-hán Phật tánh như tô. Từ bậc Phật-bích-chi đến Bồ-tát bậc Thập trụ, Phật tánh như thực tô, Phật tánh của Như Lai như chất đề hồ.

Này thiện nam! Vì phiền não hiện tại làm chướng ngại nên làm cho các chúng sinh không thấy được, như trong núi Hương có cỏ nhãn nhục chẳng phải tất cả bò đều có thể ăn được. Phật tánh cũng như vậy. Đó gọi là phân biệt đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tánh, nếu là đời vị lai có, tại sao nói người đoạn dứt căn lành có Phật tánh?

Phật bảo:

–Này thiện nam! Như các chúng sinh có nghiệp quá khứ. Do nghiệp này nên hiện tại chúng sinh chịu quả báo. Có nghiệp vị lai nhưng vì chưa sinh nên hoàn toàn không sinh quả có phiền não hiện tại, nếu không có phiền não thì tất cả chúng sinh lẽ ra phải thấy rõ Phật tánh hiện tại. Do đó người đoạn dứt căn lành do vì nhân duyên phiền não hiện tại có thể đoạn dứt căn lành, nhờ năng lực Phật tánh đời vị lai nên căn lành sinh trở lại.

Bồ-tát Ca-diếp thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đời vị lai làm sao căn lành có thể sinh?

–Này thiện nam! Như ngọn đèn và mặt trời tuy tương lai nhưng cũng phá được tối tăm. Đời vị lai có thể sinh ra Phật tánh vị lai của chúng sinh như vậy. Đây gọi là phân biệt đáp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu cho rằng năm ấm là Phật tánh thì tại sao nói Phật tánh của chúng sinh chẳng phải bên trong chẳng phải bên ngoài?

Phật dạy:

–Này thiện nam! Do nhân duyên gì quên mất như vậy? Trước kia Ta chẳng nói Phật tánh của chúng sinh là trung đạo chẳng!

Bồ-tát Ca-diếp bạch:

–Bạch Thế Tôn! Thật con không quên, chỉ vì chúng sinh không thể hiểu được trung đạo này nên thưa hỏi như vậy.

–Này thiện nam! Chúng sinh không hiểu chính là trung đạo, hoặc có lúc hiểu hoặc có lúc không hiểu. Này thiện nam! Ta vì muốn chúng sinh được hiểu rõ nên nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì sao? Chúng sinh phàm phu cho rằng Phật tánh ở trong năm ấm như có trái cây đựng trong chậu. Hoặc có người cho rằng Phật tánh lìa năm ấm mà có giống như hư không. Cho nên Như Lai nói nghĩa trung đạo là Phật tánh của chúng sinh chẳng phải trong sáu nhập, chẳng phải ngoài sáu nhập, vì hợp cả trong và ngoài nên gọi là trung đạo. Vì vậy, Như Lai nói Phật tánh tức là trung đạo, chẳng phải trong chẳng phải ngoài nên gọi là trung đạo. Đây gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Thế nào gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài?

Này thiện nam! Hoặc nói Phật tánh chính là ngoại đạo. Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp ở trong hàng ngoại đạo, đoạn trừ các phiền não, điều phục tâm mình, giáo hóa chúng sinh, sau mới chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do đó Phật tánh tức là ngoại đạo. Hoặc có người nói Phật tánh tức là nội đạo. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tuy ở trong vô lượng kiếp tu tập ngoại đạo nhưng nếu xa lìa nội đạo thì không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do đó Phật tánh tức là nội đạo. Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên nói Phật tánh chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài, cũng gọi là trong ngoài, như vậy là trung đạo. Đó gọi là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc nói Phật tánh tức là thân kim cang của Như Lai với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao? Vì không luống dối. Hoặc nói Phật tánh chính là Mười lực, Bốn vô sở úy, Đại từ, Đại bi, Ba niệm xứ, và tất cả Tam-muội như Thủ-

lãng-nghiêm v.v... Vì sao? Vì nhờ Tam-muội này mà sinh ra thân kim cương với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do đó, Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, như vậy là trung đạo. Đó là phân biệt đáp.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người cho rằng Phật tánh chính là tư duy thiện. Vì sao? Vì xa lìa tư duy thiện thì không thể chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Do đó Phật tánh tức là tư duy thiện bên trong. Có người cho rằng Phật tánh chính là nghe pháp từ người khác. Vì sao? Vì nghe pháp từ người khác thì có thể bên trong tư duy thiện, nếu không nghe pháp thì không tư duy. Do đó Phật tánh tức là nghe pháp từ người khác. Cho nên Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên nói Phật tánh chẳng phải bên trong, chẳng phải bên ngoài, cũng gọi là trong ngoài. Đó gọi là trung đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Lại có người cho rằng Phật tánh bên ngoài, nghĩa là Bồ thí Ba-la-mật, nhờ Bồ thí Ba-la-mật nên chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng. Cho nên nói Bồ thí Ba-la-mật tức là Phật tánh. Hoặc có người nói Phật tánh ở bên trong, nghĩa là năm Ba-la-mật. Vì sao? Vì rời năm điều này thì nên biết không có Phật tánh, nhân quả. Do đó nên nói năm Ba-la-mật tức là Phật tánh. Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên cho rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, cũng ở trong cũng ở ngoài. Đó gọi là trung đạo.

Lại nữa, này thiện nam! Hoặc có người cho rằng Phật tánh ở bên trong ví như viên ngọc quý trên trán của lực sĩ. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh như ngọc quý. Do đó nên cho rằng Phật tánh ở bên trong. Hoặc có người cho rằng Phật tánh ở bên ngoài như kho báu của bần nữ. Vì sao? Vì do phương tiện mà được thấy. Phật tánh cũng như vậy, ở bên ngoài chúng sinh, nhờ phương tiện mà thấy được. Như Lai vì ngăn hai thứ chấp này nên nói Phật tánh chẳng phải ở trong, chẳng phải ở ngoài, cũng ở trong, cũng ở ngoài. Đó gọi là trung đạo. Này thiện nam! Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có, chẳng phải không. Vì sao? Vì Phật tánh đâu là có nhưng chẳng phải như hư không. Vì sao? Vì hư không thế gian tuy dùng vô lượng

phương tiện thiện xảo cũng không thể thấy được, Phật tánh có thể thấy nên tuy có nhưng chẳng phải như hư không. Phật tánh tuy là không nhưng không giống như sừng thỏ. Vì sao? Vì lông rùa sừng thỏ tuy dùng vô lượng phương tiện thiện xảo cũng chẳng thể sinh được. Còn Phật tánh có thể sinh cho nên tuy là không có nhưng không đồng như sừng thỏ. Do đó Phật tánh chẳng phải có, chẳng phải không, cũng có cũng không.

Thế nào gọi là có? Tất cả chúng sinh đều có không đoạn, không diệt, giống như ngọn đèn, cho đến khi chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng, do đó gọi là có. Thế nào gọi là không? Tất cả chúng sinh hiện tại chưa có đủ tất cả các pháp Phật thường, lạc, ngã, tịnh, nên gọi là không. Vì có và không hợp lại chính là Trung đạo. Do đó Phật nói Phật tánh của chúng sinh chẳng phải có, chẳng phải không.

Này thiện nam! Như có người hỏi trong hạt giống này có quả hay không thì nên đáp rằng cũng có cũng không. Vì sao? Vì lìa ngoài hạt giống không thể sinh ra quả nên gọi là có, hạt chưa sinh mầm nên gọi là không. Do nghĩa này nên nói cũng có cũng không. Vì sao? Vì thời tiết có khác nhưng thể của hạt giống vẫn là một. Phật tánh của chúng sinh cũng như vậy. Nếu cho rằng trong chúng sinh riêng có Phật tánh thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì chúng sinh tức Phật tánh, Phật tánh tức là chúng sinh, chỉ khác thời gian có tịnh và bất tịnh.

Này thiện nam! Nếu có người hỏi hạt này có thể sinh quả không, quả này có thể sinh hạt không, thì nên quyết định đáp rằng cũng sinh cũng không sinh.

–Bạch Thế Tôn! Như người đời cho rằng trong sữa có lạc (sữa đặc) nghĩa này là thế nào?

–Này thiện nam! Nếu có người nói trong sữa có lạc đó gọi là chấp trước, nếu cho rằng không có lạc thì là hư dối. Xa lìa hai điều này nên quyết định đáp rằng cũng có cũng không. Sao gọi là có? Từ sữa sinh ra lạc, nhân là sữa, quả là lạc. Đó gọi là có. Thế nào gọi là không? Màu sắc và mùi vị mỗi thứ đều khác nhau, uống, dùng không đồng nhau, bệnh nóng thì dùng sữa, bệnh lạnh thì dùng lạc. Sữa sinh

bệnh lạnh, lạc sinh bệnh nóng. Nay thiện nam! Nếu nói trong sữa có tánh của lạc thì sữa tức là lạc, lạc tức là sữa, tánh của nó là một. Do nhân duyên gì sữa sinh ra trước còn lạc không sinh ra trước? Nếu có nhân duyên thì tất cả người đời sao không nói? Nếu không có nhân duyên sao lạc không sinh ra trước? Nếu lạc không sinh ra trước thì ai làm ra có thứ tự: sữa, lạc, sinh tô, thực tô, đề hồ? Do đây nên biết lạc trước không mà nay có. Nếu trước không mà nay có là pháp vô thường.

Nay thiện nam! Nếu có người nói sữa có tánh của lạc nên có thể sinh ra lạc, nước không có tánh lạc nên không sinh ra lạc thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì có nước cũng có tánh của sữa và lạc. Vì sao? Vì do cỏ, nước mà sinh ra sữa, lạc. Nếu nói trong sữa nhất định có tánh của lạc, cỏ nước không có thì đó gọi là hư vọng. Vì tâm không bình đẳng nên gọi là hư vọng.

Nay thiện nam! Nếu nói trong sữa nhất định có lạc thì trong lạc lẽ ra cũng nhất định có tánh sữa. Vậy do nhân duyên gì trong sữa sinh ra lạc mà trong lạc chẳng sinh ra sữa? Nếu không có nhân duyên thì nên biết lạc ấy trước không mà nay có. Do đó người trí nói rằng trong sữa chẳng phải có chất lạc, chẳng phải không có chất lạc. Nay thiện nam! Do đó ở trong kinh Như Lai nói: Tất cả chúng sinh nhất định có Phật tánh thì gọi là chấp trước, nếu cho rằng không có Phật tánh thì gọi là hư vọng. Người trí nên nói rằng Phật tánh của chúng sinh cũng có, cũng không.

Nay thiện nam! Do bốn pháp hòa hợp sinh ra nhãn thức. Những gì là bốn pháp? Đó là nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý. Tánh nhãn thức này chẳng phải nhãn căn, chẳng phải sắc trần, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải tác ý, mà do hòa hợp nên nhãn thức sinh. Nhãn thức như vậy là trước không mà nay có, đã có trở lại không. Do đó nên biết nhãn thức vốn không có tánh, chất lạc ở trong sữa cũng như vậy. Hoặc có người nói rằng trong nước không có chất lạc nên không sinh ra lạc. Do đó trong sữa nhất định có chất lạc. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Nay thiện nam! Vì tất cả các pháp nhân khác, quả khác. Cũng chẳng phải một nhân mà sinh ra tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhân sinh ra. Nay thiện nam! Từ bốn pháp sinh

nhân thức, lại không thể nói rằng từ bốn pháp này sinh ra nhĩ thức.

Này thiện nam! Liạ các phương tiện thì trong sữa có thể sinh ra lạc và lạc sinh ra tô hay là cần phải có phương tiện?

Này thiện nam! Người trí thấy không thể liạ các phương tiện mà được chất lạc từ nơi sữa, chất sinh tô cũng vậy, không liạ các phương tiện mà được. Này thiện nam! Do đó trong kinh nói: Do nhân sinh nên có pháp, vì nhân diệt nên không có pháp. Này thiện nam! Như tính chất của muối là mặn có thể làm cho vật không mặn thành mặn. Nếu vật chẳng phải mặn mà trước có chất mặn thì người đời vì sao lại mong có muối? Nếu trước không mặn thì nên biết rằng trước không mà nay có. Do các duyên khác mà thành mặn. Hoặc cho rằng tất cả vật chẳng mặn đều có tánh mặn mà vì quá ít nên không biết, do tính chất quá ít này nên muối có thể làm cho vật ấy thành mặn. Nếu vốn không có chất mặn thì tuy có muối cũng không thể trở thành mặn. Như hạt giống tự nó có bốn đại và nhờ bốn đại bên ngoài mà được tăng trưởng: nảy mầm, lên cây, đâm chồi, ra lá. Tánh chất của muối cũng như vậy. Nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì vật không mặn mà trước nếu có chất mặn thì muối lẽ ra cũng có ít chất chẳng mặn. Muối này nếu có hai tánh như vậy thì do nhân duyên gì rời vật chẳng mặn, muối không thể riêng dùng được! Do đó nên biết muối vốn không có hai tánh. Như muối, tất cả vật không mặn cũng vậy.

Nếu nói rằng bốn đại bên ngoài có thể làm tăng trưởng bốn đại bên trong thì nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì theo thứ tự mà nói. Chẳng phải từ phương tiện mà trong sữa được chất lạc, chất sinh tô, cho đến tất cả các pháp đều chẳng như vậy, chẳng phải do phương tiện mà được. Bốn đại cũng như thế. Nếu nói từ bốn đại bên ngoài tăng trưởng bốn đại bên trong, không thấy từ bốn đại bên trong tăng trưởng bốn đại bên ngoài, như quả Thi-lợi-sa trước không có hình chất, lúc thấy sao Mão thì sinh quả dài đủ năm tấc, thì như vậy quả này chẳng do nơi bốn đại bên ngoài mà tăng trưởng.

Này thiện nam! Như Ta nói, Mười hai bộ loại kinh văn, hoặc theo ý mình mà nói, hoặc tùy ý người khác nói, hoặc theo ý mình và



người khác mà nói. Thế nào gọi là theo ý mình mà nói?

Như có năm trăm Tỳ-kheo hỏi Xá-lợi-phất: “Bạch Đại Đức! Đức Phật dạy nhân của thân là những gì?”, Xá-lợi-phất bảo: “Chư Đại đức! Các ông cũng được chánh giải thoát tự mình nên biết. Sao lại hỏi như vậy”. Có vị Tỳ-kheo thưa: “Bạch Đại đức! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát cho rằng: Vô minh là nhân của thân. Lúc quán sát như vậy chứng được quả A-la-hán”. Lại có Tỳ-kheo nói: “Thưa Đại đức! Lúc tôi chưa chứng được chánh giải thoát cho rằng: Ái và vô minh là nhân của thân. Lúc quán như vậy, chứng đắc quả A-la-hán”. Hoặc có Tỳ-kheo nói: “Hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, ẩm thực, ngũ dục là nhân của thân”.

Lúc đó, năm trăm Tỳ-kheo mỗi người tự nói chỗ hiểu biết của mình rồi, cùng đi đến chỗ Ta. Cúi đầu lễ dưới chân Ta, đi quanh bên phải ba vòng, đánh lễ rồi lui ngồi một bên. Mỗi người tự đem chỗ hiểu biết của mình như đã nói ở trước mà bạch với Ta. Xá-lợi-phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Những người như vậy ai nói đúng ai nói không đúng”. Ta bảo Xá-lợi-phất: “Lành thay! Lành thay! Tất cả Tỳ-kheo này đều nói đúng”. Xá-lợi-phất thưa: “Bạch Thế Tôn! Ý của Thế Tôn thế nào?”. Ta bảo Xá-lợi-phất: “Ta vì chúng sinh trong cõi Dục mà nói cha mẹ là nhân của thân”. Những kinh như vậy gọi là theo ý mình mà nói.

Thế nào gọi là theo ý người khác nói? Như Trưởng giả Ba-tra-la đến chỗ Ta nói như vậy: “Thưa Cù-đàm! Ngài có biết huyền thuật chăng? Nếu biết huyền thuật tức là người đại huyền. Nếu không biết thì Ngài chẳng phải là bậc Nhất thiết trí”. Ta bảo: “Này Trưởng giả! Người biết huyền thuật gọi là người huyền chăng?”. Trưởng giả thưa: “Đúng vậy, đúng vậy! Người biết huyền thuật tức là người huyền”. Ta bảo: “Này Trưởng giả! Vua Ba-tư-nặc của nước Xá-vệ có Chiên-đà-la tên là Khí-hư, ông có biết không?”. Trưởng giả đáp: “Thưa Cù-đàm! Từ lâu con đã biết người ấy”. Phật dạy: “Ông từ lâu đã biết người ấy thì ông có thể chính là Chiên-đà-la không?”. Trưởng giả thưa: “Thưa Cù-đàm! Con tuy biết Chiên-đà-la ấy nhưng thân con không phải là Chiên-đà-la”. Phật bảo: “Ông đã biết được nghĩa này, biết Chiên-đà-la chẳng phải là Chiên-đà-la, vậy vì sao

nay Ta không được biết huyền thuật mà chẳng phải là huyền? Nay Trương giả! Thật ra Ta biết huyền thuật, biết người huyền thuật, biết quả báo huyền thuật, biết kỹ thuật của huyền thuật. Ta biết sự sát sinh, biết người sát sinh, biết quả báo của sát sinh, biết giải thoát khỏi sát sinh. Cho đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến. Nay Trương giả! Nếu nói người chẳng phải huyền là người huyền, người chẳng phải tà kiến là người tà kiến thì bị vô lượng tội”. Trương giả nói: “Thưa Cù-đàm! Như lời Ngài nói, con mắc tội rất lớn. Nay tất cả vật sở hữu của con đều dâng lên Ngài. Mong Ngài chớ cho vua Ba-tư-nặc biết việc này của con”. Ta bảo: “Nay Trương giả! Nhân duyên tội này không phải là mất của mà ông do tội này sẽ đọa vào ba đường ác”. Lúc ấy, Trương giả nghe đến tên đường ác, tâm sinh sợ hãi liền thưa Ta: “Thưa Thánh nhân! Nay con vì quên mất mà mắc tội lớn. Nay Thánh nhân là bậc Nhất thiết trí chắc biết rõ con đường giải thoát. Nay con phải làm thế nào để giải thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh”. Lúc đó Ta thuyết giảng về Bốn chân đế. Trương giả nghe xong chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, trong tâm sinh hổ thẹn hướng về Ta sám hối: “Con vốn ngu si, Đức Phật chẳng phải người huyền mà con nói là huyền. Con từ nay xin quy y Tam bảo”. Ta bảo: “Lành thay! Lành thay! Trương giả!”. Đó gọi là tùy theo ý người khác mà nói.

Thế nào gọi là tùy theo ý mình và người khác mà nói? Như tất cả người trí trong thế gian nói có, Ta cũng nói có. Người trí nói không, Ta cũng nói không. Người trí thế gian nói năm thứ dục lạc có vô thường, khổ, vô ngã, có thể đoạn dứt, Ta cũng nói có. Người trí thế gian nói năm thứ dục lạc có thường, ngã, tịnh, là điều không có, thì Ta cũng nói là không có điều đó. Đó gọi là mình tùy theo ý mình và người khác mà nói.

Nay thiện nam! Như Ta nói bậc Bồ-tát Thập trụ thấy Phật tánh một phần ít. Đó gọi là tùy người khác nói.

Thế nào gọi là thấy phần ít? Bậc Bồ-tát Thập trụ chứng đắc ba ngàn pháp môn như Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm v.v... nên biết rõ mình sẽ chứng đắc đạo quả Bồ-đề vô thượng mà chẳng thấy tất cả chúng sinh quyết định chứng đắc quả Bồ-đề vô thượng. Cho nên Ta

nói hàng Bồ-tát Thập trụ thấy được Phật tánh phần ít.

Này thiện nam! Ta thường tuyên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Đó gọi là tùy theo ý mình mà nói. Tất cả chúng sinh chẳng đoạn chẳng diệt cho đến chứng đắc quả Bồ-đề vô thượng. Đó gọi là tùy theo ý mình mà nói. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh vì phiền não ngăn che nên không thể thấy được. Ta nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Đó gọi là tùy theo ý mình, ý người khác mà nói.

Này thiện nam! Như Lai có lúc vì một pháp mà nói vô lượng pháp. Như trong kinh nói tất cả phạm hạnh đều do nhân là thiện tri thức. Tất cả phạm hạnh, tuy có vô lượng nhân nhưng nói thiện tri thức thì đã nhiếp hết. Như Ta nói tất cả hạnh ác đều do nhân là tà kiến, tất cả hạnh ác tuy có vô lượng nhân nhưng nếu nói tà kiến thì đã thu tóm tất cả. Hoặc nói tín tâm là nhân của quả Bồ-đề vô thượng, nhân của Bồ-đề này tuy vô lượng nhưng nếu nói tín tâm thì đã thu tóm tất cả.

Này thiện nam! Như Lai tuy nói vô lượng các pháp để làm rõ Phật tánh nhưng chẳng rời ấm, nhập, giới.

Này thiện nam! Như Lai vì chúng sinh nên thuyết pháp có bảy cách nói: một là nói nhân, hai là nói quả, ba là nói nhân quả, bốn là nói ví dụ, năm là nói điều không thể có, sáu là nói điều thông thường ở đời, bảy là nói như ý.

Thế nào là nói về nhân? Trong nhân hiện tại nói quả vị lai. Như Ta đã nói: “Thiện nam! Ông thấy chúng sinh thích giết hại cho đến thích làm những việc tà kiến, nên quán xét người này là người địa ngục”.

Này thiện nam! Nếu có chúng sinh không thích sát sinh cho đến tà kiến, nên biết người này tức là hàng trời, người. Đó gọi là nói về nhân.

Thế nào là nói về quả? Trong quả hiện tại nói về nhân quá khứ. Như trong kinh nói: “Thiện nam! Như ông đã thấy chúng sinh bần cùng, dung mạo xấu xí, không được tự tại, nên biết người này nhất định có phá giới, có tâm ganh ghét, tâm sân hận, tâm không biết hổ thẹn. Nếu thấy có chúng sinh của cải giàu có, các căn đầy

đủ, oai đức tự tại thì nên biết người này nhất định có trì giới, bố thí, siêng năng, hổ thẹn, không có ganh ghét, sân giận”. Đó gọi là nói về quả.

Thế nào gọi là nói về nhân quả? Như trong kinh nói: “Thiện nam! Chúng sinh hiện tại lấy sáu nhập, xúc làm nhân, đó gọi là nghiệp quả quá khứ. Như Lai cũng gọi đó là nghiệp, nhân duyên nghiệp này sẽ chịu quả vị lai”. Đó gọi là nói về nhân quả.

Thế nào là nói về ví dụ? Như nói Sư tử chúa là dụ cho thân của Ta, hay là Đại tượng vương, Đại long vương, cây Ba-lợi-chất-đa-la, bảy thứ báu, biển lớn, núi Tu-di, mặt đất, mưa lớn, thuyền trưởng, thầy dẫn đường, bậc Điều ngự Trượng phu, lực sĩ, ngư vương, Bà-la-môn, Sa-môn, thành lớn, cây Đa-la, những kinh có ví dụ như vậy gọi là nói về ví dụ.

Thế nào là nói điều không thể có? Như trong kinh Ta nói: “Trời đất có thể hợp, sông không thể chảy vào biển cả, như vì vua Ba-tư-nặc nên Ta nói núi bốn phía đến, như vì Ưu-bà-di Lộc Mầu nói, nếu cây Ta-la có thể thọ tám giới thì hưởng được sự vui sướng ở cõi trời, cõi người, như nói hàng Bồ-tát Thập trụ có tâm thoái chuyển chứ không nên nói Như Lai nói hai lời, như nói bậc Tu-đà-hoàn đọa ba đường ác, chứ chẳng nên nói hàng Bồ-tát Thập trụ có tâm thoái chuyển”. Đó gọi là nói điều không có.

Thế nào là nói điều thông thường ở thế gian? Như Ta nói: Nam, nữ, lớn, nhỏ, đến, đi, ngồi, nằm, xe cộ, nhà cửa, bình, áo, chúng sinh, thường, lạc, ngã, tịnh, quân, rừng, thành ấp, tăng viện, hợp, tan. Đó gọi là nói điều thông thường ở thế gian.

Thế nào là nói như ý? Như Ta quở trách người hủy phạm giới cấm, khiến họ tự trách, giữ gìn giới cấm; như Ta khen ngợi bậc Tu-đà-hoàn, khiến hàng phàm phu sinh tâm thiện; khen ngợi hàng Bồ-tát làm cho chúng sinh phát tâm Bồ-đề; nói về sự khổ não của ba đường ác, khiến chúng sinh tu tập các pháp thiện; nói tất cả đều thiêu đốt chỉ vì tất cả là pháp hữu vi, vô ngã cũng như vậy; nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh vì khiến cho họ không buông lung. Đó gọi là nói như ý.

